

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**
Bản án số: **56/2023/HS-ST**
Ngày: 26-12-2023.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Thạch Hải Âu**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Hoàng Trung**

Bà **Võ Thị Ngọc Nga**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Minh Thành** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tiến** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 54/2023/TLST-HS ngày 23 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2023/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn M H**, sinh năm 1995, tại Tiền Giang.

Nơi đăng ký thường trú: Ấp t, xã t, huyện c, tỉnh Tiền Giang.

Quốc tịch: Việt Nam; *Dân tộc:* Kinh; *Tôn giáo:* Không.

Nghề nghiệp: Không; *Trình độ học vấn:* 9/12.

Con ông Nguyễn V H, sinh năm 1971 và bà Bùi T T, sinh năm 1975.

Bị cáo có vợ tên Huỳnh Thị L T, sinh năm 1997 (đã ly hôn); có một người con sinh năm 2015.

Tiền án: 01 lần, ngày 15/4/2022, bị Toà án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang xử phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản tại Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2022/HS-ST. Chấp hành xong quyết định vào ngày 03/5/2022, chưa được xoá án tích.

- Tiền sự: Không.

- Đặc điểm nhân thân: Ngày 23/5/2019, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xử phạt 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (mười sáu) tháng về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2019/HS-ST, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/8/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Anh Võ Trương V K, sinh năm 1984. (vắng mặt)

Địa chỉ: K5, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Anh Nguyễn N T, sinh năm 1993. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

+ Chị Trần Thị D K, sinh năm 2002. (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố ĐA, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 19/3/2023, bị cáo M H đang ở nhà tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang thì Nguyễn N T nhắn tin rủ bị cáo đi tìm tài sản của người khác để trộm cắp, bị cáo đồng ý. Sau đó, V T đến nhà bị cáo và điều khiển xe mô tô 02 bánh biển số 68T1 – 604.23 chở bị cáo đến địa bàn huyện T, tỉnh Tiền Giang để tìm tài sản trộm cắp.

Đến khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, khi V T đang điều khiển xe trên đường tỉnh lộ 865 thì bị cáo phát hiện trước sân nhà của anh Võ Trương V K tại K5, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang có nhiều con gà trống được nuôi nhốt trong bội.

Quan sát nhà anh V K không người trong coi nên bị cáo kêu N T dừng xe lại để trộm gà, N T đồng ý. Bị cáo đi vào trong sân trộm 02 (hai) con gà trống (01 con lông màu trắng, thường gọi là gà úa, có trọng lượng 3,04 kg và 01 con lông màu trắng có đốm đen, thường gọi là gà bướm, có trọng lượng 2,34 kg) giấu vào áo đang mặc và lên xe để N T chở chạy về hướng xã H tẩu thoát. Cùng lúc này, anh V K từ phía sau nhà bước ra phát hiện có người trộm gà nên truy hô và dùng xe mô tô đuổi theo. Đồng thời, anh V K gọi điện thoại cho hai người bạn tên Nguyễn T S, sinh năm 1984 và Huỳnh C V, sinh năm 1996 cùng ngụ ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang thông báo về việc bị trộm gà và yêu cầu S T, C V hỗ trợ chặn bắt. Sau khi nhận được thông tin, anh T S và anh C V thông báo cho người dân xung quanh hỗ trợ chặn bắt 02 đối tượng trộm gà.

Khi V T điều khiển xe chạy được khoảng 01 km thì nhìn thấy phía trước có nhiều người đang cầm cây chặn bắt. Biết hành vi của mình đã bị phát hiện nên V T phanh xe gấp làm xe ngã xuống đường và 02 con gà bị văng ra. Lúc này, người dân xông đến để khống chế V T và bị cáo M H. Do không muốn bị bắt nên V T và bị cáo lấy dao được giấu trong người ra nhằm mục đích sẽ chống trả để tẩu thoát nhưng vẫn bị người dân khống chế bắt được làm cho V T và bị cáo bị thương và hư hỏng xe mô tô 02 bánh xe biển kiểm soát 68T1 – 604.23.

Tại thông báo giá tài sản số 317/TB-PTCKH ngày 11/5/2023 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện T kết luận giá bán ra của gà thịt ngày 19/3/2023 là 120.000 đồng/kg. Như vậy, giá trị thành tiền của 02 con gà trên là 645.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ tang vật và các vật chứng sau:

- 02 (hai) con gà trống, loại gà nòi, trong đó: 01 con lông màu trắng, thường gọi là gà úa, có trọng lượng 3,04 kg và 01 con lông màu trắng có đốm đen, thường gọi là gà bướm, có trọng lượng 2,34 kg.

- 01 (một) mảnh nhựa màu đen, kích thước dài 44 cm, ngang rộng nhất 15,5 cm, hẹp nhất 10,5 cm. Trên mảnh nhựa có gắn biển số 68T1 – 604.23 và 01 xe mô tô 02 bánh, không biển số, không kính chiếu hậu, hiệu Honda. Số khung: RLHK2606GY331325, số máy: KC26E11774669, xe đã qua sử dụng, bị hư hỏng các bộ phận sau: Mặt nạ trước bị bể nhựa, kính chiếu hậu trái bị rạn nứt, ốp sườn phải bị bể nhựa, nắp bình ắc quy bị bể nhựa, chắn bị gãy nhựa, chá đèn chiếu hậu bị bể, tay nâng bị gãy kim loại, ốp sườn trái bị trầy xước nhựa và yếm bửng trái bị trầy xước nhựa.

- 01 (một) con dao bằng kim loại, loại dao bấm, mũi nhọn, màu đen, trên lưỡi dao có ký hiệu “K-860”. Phần cán có hình con bọ cạp. Đây là con dao do Nguyễn N T sử dụng khi bị vây bắt.

- 01 (một) con dao bằng kim loại, loại dao bấm, mũi nhọn, màu trắng. Phần cán có đục nhiều lỗ tròn. Đây là con dao do bị cáo sử dụng nhằm mục đích chống trả để tẩu thoát khi bị vây bắt.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với 02 con gà trống có đặc điểm nêu trên là tài sản hợp pháp của anh Võ Trương V K. Cơ quan điều tra đã xử lý bằng cách trả lại tài sản cho anh V K xong.

- 01 (một) mảnh nhựa và xe mô tô 02 bánh biển số 68T1 – 604.23. Qua điều tra, xác định do chị Trần Thị D K (là bạn gái của bị cáo M H) đứng tên sở hữu. Việc bị cáo và Nguyễn N T sử dụng xe mô tô trên đi trộm cắp tài sản chị D K hoàn toàn không

biết. Đồng thời chị không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho chị D K xong.

Ngày 20/11/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước ban hành quyết định chuyển vật chứng là 01 (một) con dao bằng kim loại, loại dao bấm, mũi nhọn, màu trắng, phần cán có đục nhiều lỗ tròn đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện T quản lý chờ xử lý theo quy định.

Tại Cáo trạng số 53/CT-VKSTP ngày 20/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Tân Phước để xét xử đối với bị cáo Nguyễn M H về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Điều b Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn M H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Do đó có cơ sở xác định bị cáo Nguyễn M H đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Điều b Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội gây thiệt hại không lớn nên đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại Điều h, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Có hành động hung hãn nhằm trốn tránh hoặc che giấu tội phạm*” quy định tại Điều p Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều b Khoản 1 Điều 173; Điều h, s Khoản 1 Điều 51; Điều p Khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 47 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn M H từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù và buộc bị cáo chịu án phí theo quy định.

Bị cáo Nguyễn M H thống nhất với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo ăn hối cải cho việc làm của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về hành vi, quyết định tố tụng:* Về hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Phước, của Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, của Kiểm sát viên trong quá trình tiến hành tố tụng điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều

tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp theo quy định của pháp luật.

[2]. *Về sự vắng mặt của những người được triệu tập tham gia phiên tòa:* Tại phiên tòa, bị hại và người làm chứng vắng mặt. Quá trình điều tra đã có đầy đủ lời khai, bị cáo và Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án. Xét thấy, việc vắng những người nêu trên không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ theo quy định tại các Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3]. *Về tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo:* Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn M H thừa nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã truy tố. Xét lời khai của bị cáo là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, nội dung bản Cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa, từ đó có cơ sở kết luận: Vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 19/3/2023, tại nhà của anh Võ Trương V K tại K5, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Bị cáo Nguyễn M H đã có hành vi trộm cắp 02 con gà có tổng trị giá thành tiền là 645.000 đồng. Tuy giá trị tài sản dưới 2.000.000 đồng nhưng do bị cáo có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nên hành vi phạm tội lần này của bị cáo đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 173 Bộ luật như bản Cáo trạng số 53/CT-VKSTP ngày 20/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước truy tố là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo M H biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị xã hội lên án, bản thân bị cáo là thanh niên khỏe, mạnh nhưng vì động cơ tư lợi bất chính, chây lười lao động, ý thức xem thường pháp luật, đã thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo đã lợi dụng điều kiện vắng vẻ, ít người qua lại, thiếu cảnh giác trong quản lý tài sản của các bị hại để thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương nơi các bị cáo thực hiện tội phạm, tạo sự bất bình, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng một mức hình phạt thật thỏa đáng, tương xứng với hành vi phạm tội mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bản thân bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, biết tôn trọng tài sản hợp pháp của người khác nói riêng và đấu tranh phòng ngừa tội phạm, đảm bảo an toàn trật tự xã hội nói chung.

[4]. *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt áp dụng đối với bị cáo:*

[4.1]. *Về tình tiết giảm nhẹ:* Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội gây thiệt hại không lớn nên đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm h, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử có xem xét.

[4.2]. *Về tình tiết tăng nặng*: Bản thân bị cáo có một tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích, nay tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Tài sản bị cáo trộm có giá trị dưới 2.000.000 đồng, đây là cơ sở để truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” nên không được xem là tình tiết định khung tăng nặng “Tái phạm” theo Điểm h Khoản 2 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội trong trường hợp phạm tội quả tang, quá trình người dân vây bắt bị cáo và V T, bị cáo sử dụng dao đe dọa nhằm mục đích không cho người dân tấn công và dễ dàng tẩu thoát, đây tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Có hành động hung hãn nhằm trốn tránh hoặc che giấu tội phạm*” quy định tại Điểm p Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bản thân bị cáo có nhân thân xấu, ngày 23/5/2019, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xử phạt 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (mười sáu) tháng về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2019/HS-ST, đã được xóa án tích nên Hội đồng xét xử có xem xét khi lượng hình.

[4.3]. *Về hình phạt bổ sung*:

Hội đồng xét xử thống nhất không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. *Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

[5.1]. Đối với Nguyễn N T có hành vi rủ rê, khởi xướng và cùng tham gia với bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, do giá trị tài sản chỉ có 645.000 đồng và V T chưa có tiền án, tiền sự về hành vi chiếm đoạt tài sản nên Cơ quan điều tra không xử lý hình sự mà chuyển hồ sơ sang Công an huyện Tân Phước để xử lý hành chính V T theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 00013 ngày 21/7/2023 với số tiền là 6.500.000 đồng là phù hợp.

[5.2]. Trong vụ án trên thì sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo và Thuần bị phát hiện và bị đuổi bắt liên tục nên thuộc trường hợp bắt người phạm tội quả tang. Trong lúc bị vây bắt, bị cáo và V T không chấp hành mà còn có hành vi sử dụng dao nhằm mục đích chống trả để dễ dàng trốn thoát nên bắt buộc lực lượng vây bắt phải sử dụng vũ lực cần thiết, gây thương tích cho bị cáo Nguyễn M H với tỷ lệ là 03%, Nguyễn N T là 02% nhằm tức giận và ngăn chặn không cho người phạm tội trốn thoát là cần thiết và phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 24 Bộ luật Hình sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về vật chứng*:

[6.1]. Đối với 02 (hai) con gà trống có đặc điểm nêu trên là tài sản hợp pháp của anh Võ Trương V K. Cơ quan điều tra đã xử lý bằng cách trả lại tài sản cho anh Khanh xong, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6.2]. Đối với 01 (một) mảnh nhựa và xe mô tô 02 bánh biển số 68T1 – 604.23. Qua điều tra, xác định đây là tài sản hợp pháp của chị Trần Thị D K. Việc bị cáo và Nguyễn N T sử dụng xe mô tô trên đi trộm cắp tài sản chị D K hoàn toàn không biết.

Đồng thời chị D K không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì do chiếc xe bị hư hỏng nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho D K xong, Hội đồng xét xử không xem xét

[6.3]. Đối với 01 (một) con dao bằng kim loại, loại dao bấm, mũi nhọn, màu đen, trên lưỡi dao có ký hiệu “K-860”, phần cán có hình con bọ cạp. Đây là con dao do Nguyễn N T sử dụng khi bị vây bắt đã được Công an huyện Tân Phước xử lý trong việc giải quyết vi phạm hành chính nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6.4]. Đối với 01 (một) con dao bằng kim loại, loại dao bấm, mũi nhọn, màu trắng, phần cán có đục nhiều lỗ tròn, do bị cáo sử dụng nhằm mục đích chống trả để tẩu thoát khi bị vây bắt. Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải tịch thu tiêu hủy.

[7]. *Về trách nhiệm dân sự:*

[7.1]. Tại bản kết luận định giá số 488/KL-HĐĐGTS ngày 23/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự huyện T kết luận tổng giá trị bị thiệt hại của các bộ phận trên chiếc xe 68T1 – 604.23 bị làm hư hỏng là 1.085.000 đồng. Chị D K không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7.2]. Đối với các thương tích của bị cáo Nguyễn M H là 03% (Ba phần trăm), của Nguyễn N T là 02% (Hai phần trăm), bị thương tích trong lúc bị vây bắt, bị cáo và V T không chấp hành mà còn có hành vi sử dụng dao chống trả nhằm trốn thoát nên bắt buộc lực lượng vây bắt phải sử dụng vũ lực cần thiết là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 24 Bộ luật Hình sự. Bị cáo và anh V T không yêu cầu bồi thường về sức khỏe nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. *Về án phí:*

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[9]. *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị D K, anh V T được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Người bị hại anh V K được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

[10]. Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử về tội danh, hình phạt, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn M H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

* Căn cứ các Điểm b Khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; Điểm h, Điểm s Khoản 1 Điều 51 và Điểm p Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn M H **01 (một) năm** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 10/8/2023.

2. Về vật chứng:

* Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

-Tịch thu tiêu hủy các vật chứng: 01 (một) con dao bằng kim loại, loại dao bấm, mũi nhọn, màu trắng, phần cán có đục nhiều lỗ tròn.

Vật chứng trên hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/12/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phước và Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3. Về án phí:

* Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Bị cáo Nguyễn M H phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

* Áp dụng các Điều 331, 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Bị cáo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Người bị hại được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhân

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;

- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Công an huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

Thạch Hải Âu